

**TÒA ÁN NHÂN DÂN C
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HS-ST
Ngày: 29 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Trường Giang và bà Đặng Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Mỹ Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/HSST-QĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Ma Văn Đ, sinh năm 1988 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Nguyên là Cán bộ Công an; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Văn B và bà Ngô Thị N; chưa có vợ, con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2019 đến ngày 07/11/2019 được tại ngoại; ngày 27/6/2020 tiếp tục bị bắt tạm giam, hiện đang tạm giam - Có mặt.

- Bị hại: Ông Trần Xuân T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Buôn B, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3/2008, Ma Văn Đ nhập ngũ công tác tại Công an tỉnh Đắk Nông. Quá trình công tác, ngày 12/9/2011 Đ được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam. Ngày 07/11/2012 Đ được Đảng bộ tỉnh Đắk Nông cấp Thẻ đảng viên số 67.015753. Ngày 05/5/2014 được Công an tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng minh công an nhân dân số 576-954. Đến tháng 02/2019 Đ xuất ngũ về sinh sống tại địa phương bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Khi xuất ngũ, Công an tỉnh Đắk Nông đã thu hồi Giấy chứng minh công an nhân dân của Đ.

Trước đó vào đầu năm 2018 (trước thời điểm xuất ngũ), thông qua mạng xã hội Đ đã liên hệ với một người (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người*

này) để làm giả Giấy chứng minh công an nhân dân và Thẻ đảng viên. Sau khi trao đổi, Đ đã chụp lại hình ảnh bản gốc Giấy chứng minh công an nhân dân và Thẻ đảng viên của mình rồi gửi thông tin cho người này để làm giả 02 tài liệu trên với giá 2.000.000 đồng. Khoảng 03 ngày sau, Đ nhận được Giấy chứng minh công an nhân dân và Thẻ đảng viên giả với thông tin giống như thông tin trên bản gốc qua dịch vụ chuyển bưu phát.

Đến tháng 11/2018 (thời điểm này Đ đang công tác tại Công an tỉnh Đắk Nông), Đ gặp ông Trần Xuân T, cư trú tại buôn B, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Đ tự giới thiệu mình là cán bộ Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đắk Nông, hứa hẹn sẽ xin được cho con trai của ông T tên là Trần Xuân H, sinh năm 1994 vào công tác tại Công an tỉnh Đắk Nông với giá 500.000.000 đồng, đưa trước 100.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ nhận sau khi có quyết định, thì ông T đồng ý. Ngày 21/11/2018 tại tổ dân phố 2, phường N, thị xã G (nay là thành phố G), Đ đã đưa các tài liệu giả là Giấy chứng minh công an nhân dân và Thẻ đảng viên cho ông T giữ để ông T tin tưởng và giao số tiền 100.000.000 đồng, đồng thời hai bên viết Giấy nhận tiền, hẹn đến ngày 21/01/2019 sẽ có quyết định tuyển dụng. Tuy nhiên, sau đó Đ đã chiếm đoạt số tiền này để tiêu xài cá nhân. Ông T đã nhiều lần liên hệ đề đòi lại tiền nhưng Đ không trả.

Ngày 10/4/2019 ông Trần Xuân T tố giác hành vi của Đ, đồng thời giao nộp các tài liệu gồm 01 Giấy nhận tiền ngày 21/11/2018, 01 Thẻ đảng viên và 01 Giấy chứng minh công an nhân dân mang tên Ma Văn Đ.

Tại Bản kết luận giám định số 86/GĐTL-PC09 và số 89/GĐTL-PC09 ngày 13/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Chữ ký, chữ viết trên Giấy nhận tiền ngày 21/11/2018 so với chữ ký, chữ viết của Ma Văn Đ là do một người ký, viết ra; Thẻ đảng viên số 67.015753 mang tên Ma Văn Đ, sinh ngày 27/4/1988, ghi Đảng bộ tỉnh Đắk Nông cấp ngày 07/11/2012 và Giấy chứng minh công an nhân dân số 576-954 mang tên Ma Văn Đ, ghi Công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 05/5/2014, không phải do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:

01 Giấy chứng minh công an nhân dân số 576-954, ghi Công an tỉnh Đắk Nông cấp cho Ma Văn Đ, ngày cấp 05/5/2014 (Tài liệu làm giả).

01 Thẻ đảng viên số 67.015753, ghi Đảng bộ tỉnh Đắk Nông cấp cho Ma Văn Đ, ngày cấp 07/11/2012 (Tài liệu làm giả).

01 Giấy nhận tiền, chữ viết tay trên giấy kẻ ô ly đề ngày 21/11/2018, bên nhận tiền ghi tên Ma Văn Đ (Bản gốc).

01 USB chứa 01 file ghi âm hội thoại giữa Ma Văn Đ và ông Trần Xuân T (do Ma Văn Đ giao nộp).

01 điện thoại di động Iphone 6S chứa 01 file ghi âm hội thoại giữa Ma Văn Đ và ông Trần Xuân T (do Ma Văn Đ giao nộp).

Tại phiên tòa ngày 05/9/2020 Hội đồng xét xử sơ thẩm đã trả lại cho bị cáo Ma Văn Đ điện thoại di động Iphone 6S.

Tại Cáo trạng số: 26/CT-VKS-GN ngày 08 tháng 4 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Ma Văn Đ về các tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm d khoản 2 Điều

341 của Bộ luật Hình sự và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa giữ nguyên quyết định truy tố; sau khi phân tích nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Ma Văn Đ phạm tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ma Văn Đ từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả ba tội trên.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã bồi thường số tiền 100.000.000 đồng cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị lưu hồ sơ vụ án các tài liệu gồm: 01 Giấy chứng minh công an nhân dân số 576-954, ghi Công an tỉnh Đắk Nông cấp cho Ma Văn Đ, ngày cấp 05/5/2014 (tài liệu làm giả); 01 Thẻ đảng viên số 67.015753, ghi Đảng bộ tỉnh Đắk Nông cấp cho Ma Văn Đ, ngày cấp 07/11/2012 (tài liệu làm giả); 01 Giấy nhận tiền, chữ viết tay trên giấy kẻ ô ly đề ngày 21/11/2018, bên nhận tiền ghi tên Ma Văn Đ (bản gốc); 01 USB chứa 01 file ghi âm hội thoại giữa Ma Văn Đ và ông Trần Xuân T (do Ma Văn Đ giao nộp).

Đối với đối tượng làm giả hai tài liệu Giấy chứng minh công an nhân dân và Thẻ đảng viên tên của Ma Văn Đ, hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời

khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác được lưu trong hồ sơ vụ án, nên có căn cứ xác định: Vào đầu năm 2018, Ma Văn Đ (nguyên là Đảng viên Đảng Cộng sản, cán bộ Công an nhân dân) thông qua mạng xã hội đã liên hệ với một người (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để làm giả các tài liệu là Giấy chứng minh công an nhân dân và Thẻ đảng viên; Đ đã chụp lại hình ảnh bản gốc Giấy chứng minh công an nhân dân và Thẻ đảng viên của mình để gửi thông tin cho người này làm giả 02 tài liệu trên.

Đến ngày 21/11/2018, tại tổ dân phố 2, phường N, thị xã G (nay là thành phố G), mặc dù không có khả năng xin việc nhưng Đ gặp ông Trần Xuân T và giới thiệu mình là cán bộ Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đắk Nông, đồng thời đưa 02 tài liệu giả là Giấy chứng minh Công an nhân dân và Thẻ đảng viên cho ông T giữ để làm tin, hứa hẹn sẽ xin được cho con trai của ông T tên là Trần Xuân H vào công tác tại Công an tỉnh Đắk Nông, hẹn đến ngày 21/01/2019 bị cáo sẽ bàn giao Quyết định vào công tác tại Công an tỉnh Đắk Nông cho ông T, Đ đã nhận và chiếm đoạt của ông T số tiền 100.000.000 đồng. Quá thời hạn, ông T nhiều lần liên hệ đòi lại tiền nhưng Đ không trả. Sau đó, Đ bỏ trốn và ra đầu thú theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã G (nay là Công an thành phố G).

Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Ma Văn Đ phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Theo các điểm c, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

...
c) Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu giả hoặc giấy tờ khác đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác;

d) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng”.

Theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...
c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.

[3] Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì tư lợi cá nhân mà có ý thực hiện hành phạm tội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn và đầu thú theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa. Trong thời gian bảo lãnh, bị cáo đã vi phạm nghĩa vụ cam đoan, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để qua đó răn đe, giáo dục, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm.

[4] **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã ra đầu thú; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền chiếm đoạt được 100.000.000 đồng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; trong quá trình công tác bị cáo được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang; có bố là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương và Huân chương kháng chiến hạng nhì, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] **Về hình phạt bổ sung:** Bị cáo không có việc làm, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] **Về bồi thường thiệt hại:** Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, bị hại không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7] **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với các tài liệu gồm: 01 Giấy chứng minh công an nhân dân số 576-954, ghi Công an tỉnh Đắk Nông cấp cho Ma Văn Đ ngày cấp 05/5/2014 (tài liệu làm giả); 01 Thẻ đảng viên số 67.015753, ghi Đảng bộ tỉnh Đắk Nông cấp cho Ma Văn Đ ngày cấp 07/11/2012 (tài liệu làm giả); 01 Giấy nhận tiền, chữ viết tay trên giấy kẻ ô ly đề ngày 21/11/2018, bên nhận tiền ghi tên Ma Văn Đ (Bản gốc); 01 USB chứa 01 file ghi âm hội thoại giữa Ma Văn Đ và ông Trần Xuân T (do Ma Văn Đ giao nộp) là vật chứng nên cần lưu hồ sơ vụ án.

Đối với điện thoại di động Iphone 6S, tại phiên tòa ngày 05/9/2020 Hội đồng xét xử sơ thẩm đã trả lại cho bị cáo Ma Văn Đ nên không đề cập giải quyết.

[8] Đối với đối tượng làm giả 02 tài liệu Giấy chứng minh công an nhân dân và Thẻ đảng viên tên của Ma Văn Đ, hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục, xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

[9] Xét các chứng cứ buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đối với bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và quan điểm xử lý về mức hình phạt đối với bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, cần chấp nhận. Tuy nhiên, đối với tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, xử phạt bị cáo mức hình phạt từ

01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng là chưa tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm của bị cáo, bởi vì trong vụ án này bị cáo Đ là người khởi xướng việc làm giả các tài liệu của cơ quan, tổ chức, tiếp sau đó bị cáo sử dụng các tài liệu giả này để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, số tiền 100.000.000 đồng bị cáo chiếm đoạt đã được bị cáo trả lại cho bị hại và được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo là người có nhận thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có phần nghiêm khắc, nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo:

Về án phí: Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị được miễn nộp tiền án phí trong vụ án. Gia đình bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xã Đắc Som, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắc Nông) theo Quyết định 581/QĐ-Ttg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Ma Văn Đ phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 341; các điểm v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Ma Văn Đ **02** (hai) năm tù;

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 341; các điểm v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Ma Văn Đ **02** (hai) năm tù;

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Ma Văn Đ **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù;

Căn cứ khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Ma Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là **06** (sáu) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 27/6/2020, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2019 đến ngày 07/11/2019.

2. Về bồi thường thiệt hại: Chấp nhận việc bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), bị hại không yêu cầu gì thêm, nên không đề cập giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Lưu hồ sơ vụ án các tài liệu gồm: 01 Giấy chứng minh công an nhân dân số 576-954, ghi Công an tỉnh Đắc Nông cấp cho Ma Văn Đ, ngày cấp 05/5/2014 (tài

liệu làm giả); 01 Thẻ đảng viên số 67.015753, ghi Đảng bộ tỉnh Đắk Nông cấp cho Ma Văn Đ, ngày cấp 07/11/2012 (tài liệu làm giả); 01 Giấy nhận tiền, chữ viết tay trên giấy kẻ ô ly, đề ngày 21/11/2018, bên nhận tiền ghi tên Ma Văn Đ (bản gốc); 01 USB chứa 01 file ghi âm hội thoại giữa Ma Văn Đ và ông Trần Xuân T (do Ma Văn Đ giao nộp).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Ma Văn Đ được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Công an thành phố Gia Nghĩa;
- Phòng HS, NV CA thành phố Gia Nghĩa.
- CCTHADS thành phố Gia Nghĩa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Lê Xuân Diệu